

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

(Ban hành theo Quyết định số 132/QĐ-CDSPND ngày 15 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên chương trình đào tạo:** Giáo dục Mầm non (Early Childhood Education).
Mã chương trình đào tạo: 51140201_1
- Tên ngành đào tạo:** Giáo dục Mầm non (Early Childhood Education). Mã ngành: 51140201
- Trình độ đào tạo:** Cao đẳng
- Thời gian đào tạo:** 2,5 - 3 năm
- Đối tượng đào tạo:** Người học đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp:** Bằng tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Giáo dục Mầm non
- Đơn vị cấp bằng:** Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

B. THÔNG TIN CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp để thực hiện công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non đáp ứng yêu cầu xã hội và yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non; sử dụng được ngoại ngữ, tin học trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc và học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

MT1. Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức chung về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật vào công việc giáo dục và các hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non.

MT2. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non.

1.2.2. Kỹ năng

MT3. Xây dựng và thực hiện được chương trình, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với nhu cầu phát triển của trẻ em trong nhóm, lớp.

MT4. Sử dụng được phương pháp quan sát và đánh giá trẻ em để kịp thời điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ em.

MT5. Tổ chức quản lý nhóm lớp theo quy định; xử lý linh hoạt, hiệu quả các tình huống sư phạm; giao tiếp, ứng xử với trẻ, cha mẹ trẻ và đồng nghiệp.

MT6. Sử dụng được ngoại ngữ, công nghệ thông tin và thể hiện được khả năng nghệ thuật trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự chịu trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; yêu nghề, yêu trẻ, biết động viên, khích lệ trẻ trong quá trình giáo dục; tôn trọng trẻ, đồng nghiệp và cha mẹ trẻ.

MT8. Thực hiện đúng các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh không bạo lực đối với trẻ em; các quy định về quyền trẻ em; các quy định về quyền dân chủ của bản thân, đồng nghiệp và cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em theo quy chế dân chủ trong nhà trường.

MT9. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; có tác phong, phương pháp làm việc phù hợp với công việc của giáo viên mầm non

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

CH01. Hiểu những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chính sách phát triển giáo dục mầm non; kiến thức quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, thể chất của người giáo viên mầm non và vận dụng vào hoạt động chuyên môn.

CH02. Vận dụng được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, tiếng Anh, mỹ thuật, âm nhạc, múa, văn học, ngôn ngữ, giới và bình đẳng giới, quyền trẻ em... để phát triển năng lực chuyên môn và ứng dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

CH03. Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành như: đặc điểm và sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non, sự phát triển thể chất trẻ em, các tai nạn và bệnh thường gặp ở trẻ em, giáo dục học mầm non, chương trình giáo dục mầm non, vệ sinh, dinh dưỡng, quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ, giáo dục môi trường cho trẻ mầm non vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

CH04. Vận dụng được những nguyên tắc, biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, bao gồm: chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc giấc ngủ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

CH05. Vận dụng được nguyên tắc, biện pháp, hình thức tổ chức hoạt động có chủ đích vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

CH06. Vận dụng được kiến thức bổ trợ hoặc chuyên sâu về một số lĩnh vực: nghệ thuật, phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội, một số phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới vào thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.

2.2. Kỹ năng

CH07. Kỹ năng nhận thức và tư duy sáng tạo

- Sử dụng được phương pháp quan sát và đánh giá trẻ em để kịp thời điều chỉnh các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Nhận biết được chân dung tâm lý của trẻ có nhu cầu đặc biệt và có những biện pháp cơ bản giáo dục trẻ hòa nhập cộng đồng.
- Thể hiện sáng tạo các loại hình nghệ thuật tạo hình, âm nhạc, múa, văn học nghệ thuật đơn giản vào hoạt động chăm sóc, giáo dục phù hợp với trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non.

CH08. Kỹ năng thực hành

- Xây dựng và tổ chức thực hiện được chương trình, kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo hướng phát triển toàn diện trẻ em.
- Tổ chức được các hoạt động giáo dục có chủ đích: Nhận biết - tập nói, Làm quen với tác phẩm văn học, Làm quen với chữ cái, Làm quen với Toán, Khám phá khoa học về môi trường xung quanh, hoạt động Giáo dục thể chất, hoạt động Âm nhạc, hoạt động Tạo hình...
- Tổ chức được các hoạt động vui chơi, các chương trình hoạt động trải nghiệm, chương trình hoạt động ngày hội, ngày lễ, chương trình hoạt động nghệ thuật... cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lớp và văn hóa địa phương.
- Thực hiện đúng các yêu cầu về quản lý trẻ em, quản lý cơ sở vật chất và quản lý hồ sơ, sổ sách của nhóm, lớp theo quy định...
- Thực hiện được các thao tác xử lý ban đầu (sơ cứu) với trẻ bị bệnh và tai nạn thương tích thông thường.

CH09. Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp, ứng xử với trẻ, cha mẹ trẻ, đồng nghiệp một cách cởi mở, chân thành trên tinh thần hợp tác, chia sẻ.
- Quản lý được cảm xúc của bản thân, tôn trọng sự khác biệt của trẻ.

CH10. Năng lực ngoại ngữ

Sử dụng được tiếng Anh ở mức độ cơ bản trong giao tiếp với trẻ, cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ (Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

CH11. Năng lực số

Sử dụng được CNTT và công nghệ số trong tự học, nghiên cứu khoa học, trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (trình độ Tin học đạt chuẩn CNTT cơ bản).

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CH12. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; chịu trách nhiệm cá nhân trước nhiệm vụ được giao; giải quyết được tình huống sư phạm. Có năng lực học tập suốt đời, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi.

CH13. Thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, không bạo lực đối với trẻ em; thực hiện nội quy, quy tắc ứng xử trong nhà

trường; các quy định về quyền dân chủ của bản thân, đồng nghiệp, cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em theo quy định.

CH14. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nhà giáo; yêu trẻ, yêu nghề; có tác phong, phương pháp làm việc phù hợp với công việc của giáo viên mầm non.

3. MA TRẬN QUAN HỆ MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO													
		Kiến thức						Kĩ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12	CH13	CH14
1	MT1	x													
2	MT2		x	x	x	x	x								
3	MT3								x						
4	MT4							x							
5	MT5								x	x					
6	MT6										x	x			
7	MT7												x		
8	MT8													x	
9	MT9														x

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ KHẢ NĂNG PHÁT TRIỂN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

4.1. Về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non;
- Tư vấn viên hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho cha mẹ và cộng đồng;
- Tham gia công tác quản lý các cơ sở giáo dục mầm non.

4.2. Về khả năng phát triển và nâng cao trình độ

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và tiếp tục học ở trình độ cao hơn.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Điều kiện tuyển sinh: đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.
- Phương thức tuyển sinh và điều kiện xét tuyển: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.
- Vùng tuyển sinh: cả nước.

6. PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Phương thức đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Việc lập kế hoạch, tổ chức dạy học và đăng ký học phần được quy định tại Điều 6,7,8, Quy chế đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục Mầm

non (ban hành tại Quyết định số 148/QĐ-CDSP ngày 28/7/2023 và Quyết định số 116/QĐ-CDSP ngày 24/7/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non).

6.2. Đánh giá kết quả học tập

6.2.1. Quy định về đánh giá kết quả học tập

- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

- Học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm đánh giá bộ phận (bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2) và điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm trung bình các điểm kiểm tra bộ phận chiếm 40%, điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%.

- Các học phần thực hành: điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành theo hệ số của từng loại điểm được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Việc tổ chức đánh giá các học phần Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm, Khóa luận và các học phần đặc thù khác có quy định riêng.

- Điểm học phần đánh giá theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm số, điểm chữ theo thang 4 như sau:

+ Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

Phân loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Thang điểm 4
Loại đạt	8,5-10	A	4
	7,0 - 8,4	B	3
	5,5 - 6,9	C	2
	4,0 - 5,4	D	1
Loại không đạt	Dưới 4,0	F	0

+ Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

- Cách tính điểm học phần, đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học, xử lý kết quả học tập... được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo của Nhà trường.

6.2.2. Phương pháp đánh giá

- Chương trình đào tạo áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. Tùy thuộc vào chuẩn đầu ra và phương pháp dạy-học của từng học phần, các phương pháp đánh giá phù hợp được lựa chọn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của sinh viên cũng như hiệu quả đạt được của tiến trình dạy và học.

- Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non gồm:

+ Đánh giá quá trình: đánh giá sự chuyên cần, đánh giá qua bài tập, thuyết trình, đánh giá hoạt động, kiểm tra viết, kiểm tra trắc nghiệm, đánh giá làm việc nhóm... Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và số lượng các điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

+ Thi học phần: thi vấn đáp, thi thực hành, thi kết hợp vấn đáp - thực hành, thi viết (tự luận hoặc kết hợp TNKQ với tự luận). Hình thức và tiêu chí đánh giá theo đáp án và thang điểm từng đề thi kết thúc học phần.

- Các học phần đặc thù như Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm áp dụng hình thức: chấm báo cáo kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm kết hợp điểm chấm ý thức tổ chức kỉ luật và thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục. Học phần Khoa luận cuối khóa đánh giá thông qua chấm báo cáo và bảo vệ khóa luận. Các nội dung đánh giá đều có các tiêu chí cụ thể thể hiện trên các phiếu đánh giá (rubrics).

- Nhằm giúp sinh viên phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng, ở một số học phần chuyên ngành có thể áp dụng hình thức Bài tập lớn (thay thế bài thi học phần).

6.2.3. *Kết quả đánh giá* được lưu trữ có hệ thống, được thông báo kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỉ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Có đơn gửi phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học đề nghị được xét tốt nghiệp đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 95 tín chỉ [Chưa bao gồm 2 tín chỉ (60 tiết) Giáo dục thể chất và 10 tín chỉ (165 tiết) Giáo dục quốc phòng và an ninh]:

STT	Các khối kiến thức	Số tín chỉ	Đóng góp chuẩn đầu ra (CDR)
1	Khối kiến thức, kỹ năng giáo dục đại cương	10	01, 05, 08, 09, 12, 13, 14
2	Khối kiến thức, kỹ năng cơ bản	23	01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14
3	Khối kiến thức, kỹ năng chuyên ngành	47	02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14
4	Khối kiến thức thực hành, thực tập sư phạm	10	02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14
5	Khóa luận và các học phần thay thế khóa luận	5	02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 11, 12, 13, 14
	TỔNG	95	

7.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết chuẩn	Số tiết thực hiện			Tự học	HP tiên quyết
					LT	TH,TL,TN	KT		
1. Khối kiến thức, kĩ năng giáo dục đại cương			10	210	110	178	11	720	
1	501201	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	30	21	15	1,5	60	Không
2	501302	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3	45	32	21	2,5	90	501201
3	501203	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	21	15	1,5	60	501302
4	501304	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	30	25	2,5	90	501203
5	501205	Giáo dục thể chất	2*	60	6	102	3	120	Không
6	501306	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3*	45*	37*	16*		90	Không
7	501207	Công tác quốc phòng và an ninh	2*	30*	22*	16*		60	Không
8	501208	Quân sự chung (thực hành)	2*	30*	14*	32*		60	Không
9	501409	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4*	60*	4*	112*		90	Không
2. Khối kiến thức, kĩ năng cơ bản			23	345	157	338	19	700	
10	502201	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành giáo dục & đào tạo	2	30	15	28	1	60	501304, 503202
11	502202	Tiếng Anh 1	2	30	8	40	2	60	Không
12	502203	Tiếng Anh 2	2	30	8	40	2	60	502202
13	502204	Tiếng Anh 3	2	30	11	34	2	60	502203
14	502205	Giáo dục pháp luật	2	30	21	15	1,5	70	Không
15	502206	Tin học	2	30	12	32	2	50	Không
16	502207	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	2	30	14	28	2	60	Không
17	502208	Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm	2	30	12	32	2	70	Không
18	502309	Âm nhạc và Múa	3	45	22	42	2	90	Không
19	502210	Tâm lí học đại cương	2	30	16	26	1	60	Không
20	502211	Giáo dục học đại cương	2	30	18	21	1,5	60	502210
3. Khối kiến thức, kĩ năng chuyên ngành			47	855	362	887	49,5	1750	
3.1. Phần bắt buộc			43	645	277	669	34	1330	
21	503201	Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	15	28	1	60	502210
22	503202	Giáo dục học mầm non	2	30	18	21	1,5	60	502211, 503201

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết chuẩn	Số tiết thực hiện			Tự học	HP tiên quyết
					LT	TH, TL, TN	KT		
23	503203	Giao tiếp, ứng xử của GVMN	2	30	13	31	1,5	60	503201
24	503204	Đánh giá trong GDMN	2	30	19	19	1,5	60	503201, 503202
25	503205	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	30	16	25	1,5	60	502211, 503201
26	503206	Giáo dục hòa nhập	2	30	17	23	1,5	60	503201, 503202
27	503207	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non	2	30	18	20	2	60	Không
28	503308	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3	45	14	56	3	90	501205, 503207, 503201
29	503309	Vệ sinh - Dinh dưỡng	3	45	20	46	2	90	503207
30	503210	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	30	12	32	2	60	503309
31	503311	Mỹ thuật và KT làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN	3	45	17	50	3	90	Không
32	503212	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2	30	15	26	2	60	503311
33	503213	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	2	30	14	28	2	60	502309
34	503314	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3	45	16	56	1	110	502207
35	503315	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	3	45	12	62	2	90	502208
36	503316	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3	45	17	52	2	90	503202
37	503317	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	45	14	58	2	110	503201, 503202
38	503218	Chương trình và tổ chức thực hiện CT GDMN	2	30	10	36	2	60	503202
3.2. Phần tự chọn			4	210	85	218	16	420	
* <i>Lĩnh vực nghệ thuật (chọn 1 học phần)</i>			2						
39	503219	Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN	2*	30	14	28	2	60	Không
40	503220	Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong cơ sở GDMN	2*	30	9	38	2	60	502208, 503315
41	503221	Mỹ thuật ứng dụng trong cơ sở GDMN	2*	30	9	34	4	60	503311
* <i>Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội (chọn 1 học phần)</i>			2						
42	503222	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2*	30	18	21	1,5	60	503201, 503202, 503203

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết chuẩn	Số tiết thực hiện			Tự học	HP tiên quyết
					LT	TH, TL, TN	KT		
43	503223	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2*	30	11	35	1,5	60	503201, 503202
44	503224	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2*	30	16	24	2	60	503202
45	503225	Kỹ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN	2*	30	8	38	3	60	503212, 503213
4. Thực hành, thực tập sư phạm			10	344		688		688	
46	504301	Rèn nghiệp vụ mầm non	3	144		288		288	Không
47	504102	Kiến tập sư phạm	1	20		40		40	503201
48	504203	Thực tập sư phạm 1	2	60		120		120	504102
49	504404	Thực tập sư phạm 2	4	120		240		240	504203
5. Khóa luận và các học phần thay thế khóa luận			5	300	101	364	17	630	
50	505501	Khóa luận cuối khóa	5						Đạt các điều kiện làm khóa luận cuối khóa
	Các học phần thay thế khóa luận (chọn 2 HP, 5 TC)		5						
51	505302	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	3*	45	17	52	2	90	504203
52	505303	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một	3*	45	15	58	1	110	504203
53	505304	Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN	3*	45	15	56	2	90	504203
54	505305	Chuyển đổi số trong GDMN	3*	45	12	60	3	90	502206
55	505206	Mô hình giáo dục STEAM trong cơ sở GDMN	2*	30	9	38	2	60	504203
56	505207	Phương pháp giáo dục Montessori trong cơ sở GDMN	2*	30	11	34	2	60	504203
57	505208	Phương pháp giáo dục Steiner Waldorf trong cơ sở GDMN	2*	30	12	34	1	70	504203
58	505209	Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN	2*	30	10	32	4	60	503311
		Tổng số tín chỉ	95	2.054	730	2455	96,5	4.488	

7.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		Kiến thức						Kĩ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12	CH13	CH14
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 1	x								x			x		x
2	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2	x								x			x		x
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x			x		x
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x								x			x	x	x
5	Giáo dục thể chất	x				x			x				x		x
6	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	x											x		x
7	Công tác quốc phòng và an ninh	x											x		x
8	Quân sự chung (thực hành)	x											x		x
9	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	x											x		x
10	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục & đào tạo	x			x				x				x		x
11	Tiếng Anh 1		x								x		x	x	x
12	Tiếng Anh 2		x								x		x	x	x
13	Tiếng Anh 3		x								x		x	x	x
14	Giáo dục pháp luật	x	x						x	x			x	x	x
15	Tin học		x									x	x	x	x
16	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành		x						x	x			x	x	
17	Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm		x			x		x		x			x	x	
18	Âm nhạc và Múa		x			x	x	x	x			x	x	x	x
19	Tâm lý học đại cương			x									x		x
20	Giáo dục học đại cương			x									x		x
21	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi MN			x									x		x
22	Giáo dục học mầm non			x		x			x				x		x
23	Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non			x					x	x			x		x
24	Đánh giá trong GDMN			x				x					x		x

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		Kiến thức						Kĩ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12	CH13	CH14
25	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non					x			x				x		x
26	Giáo dục hòa nhập			x				x					x		x
27	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non			x				x					x	x	x
28	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non					x		x	x	x			x		x
29	Vệ sinh - Dinh dưỡng			x	x	x			x				x	x	x
30	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non			x	x	x		x	x				x	x	x
31	Mĩ thuật và KT làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN		x			x	x	x	x			x			x
32	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non		x			x	x	x	x	x		x	x		x
33	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non		x			x		x	x	x		x	x		x
34	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x
35	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học		x			x			x				x		x
36	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non			x		x	x	x	x			x	x		x
37	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x
38	Chương trình và tổ chức thực hiện CT GDMN			x		x	x		x				x	x	x
39	Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN		x			x				x			x		
40	Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong cơ sở GDMN		x			x	x		x	x			x		
41	Mĩ thuật ứng dụng trong cơ sở GDMN		x			x	x	x	x	x			x	x	x
42	Phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non					x	x		x				x		

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		Kiến thức						Kĩ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
		CH01	CH02	CH03	CH04	CH05	CH06	CH07	CH08	CH09	CH10	CH11	CH12	CH13	CH14
43	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non			x		x	x		x				x		
44	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non			x		x			x	x		x	x		x
45	Kĩ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN					x	x	x		x			x		
46	Rèn nghiệp vụ mầm non		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
47	Kiến tập sư phạm				x			x	x				x	x	x
48	Thực tập sư phạm 1			x	x	x		x	x	x		x	x	x	x
49	Thực tập sư phạm 2		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
50	Khóa luận cuối khóa			x	x	x	x						x		
51	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non		x			x			x	x			x		
52	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một		x			x		x	x	x		x	x	x	x
53	Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN			x			x		x				x	x	x
54	Chuyển đổi số trong GDMN		x									x	x	x	x
55	Mô hình giáo dục STEAM trong cơ sở GDMN			x		x	x		x				x	x	x
56	Phương pháp giáo dục Montessori trong cơ sở GDMN					x	x	x	x			x	x	x	x
57	Phương pháp giáo dục Steiner Waldorf trong cơ sở GDMN		x			x		x	x	x		x	x	x	x
58	Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN		x			x	x	x	x	x		x	x	x	x

8. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO VÀ BẢNG ĐỒ DẠY HỌC

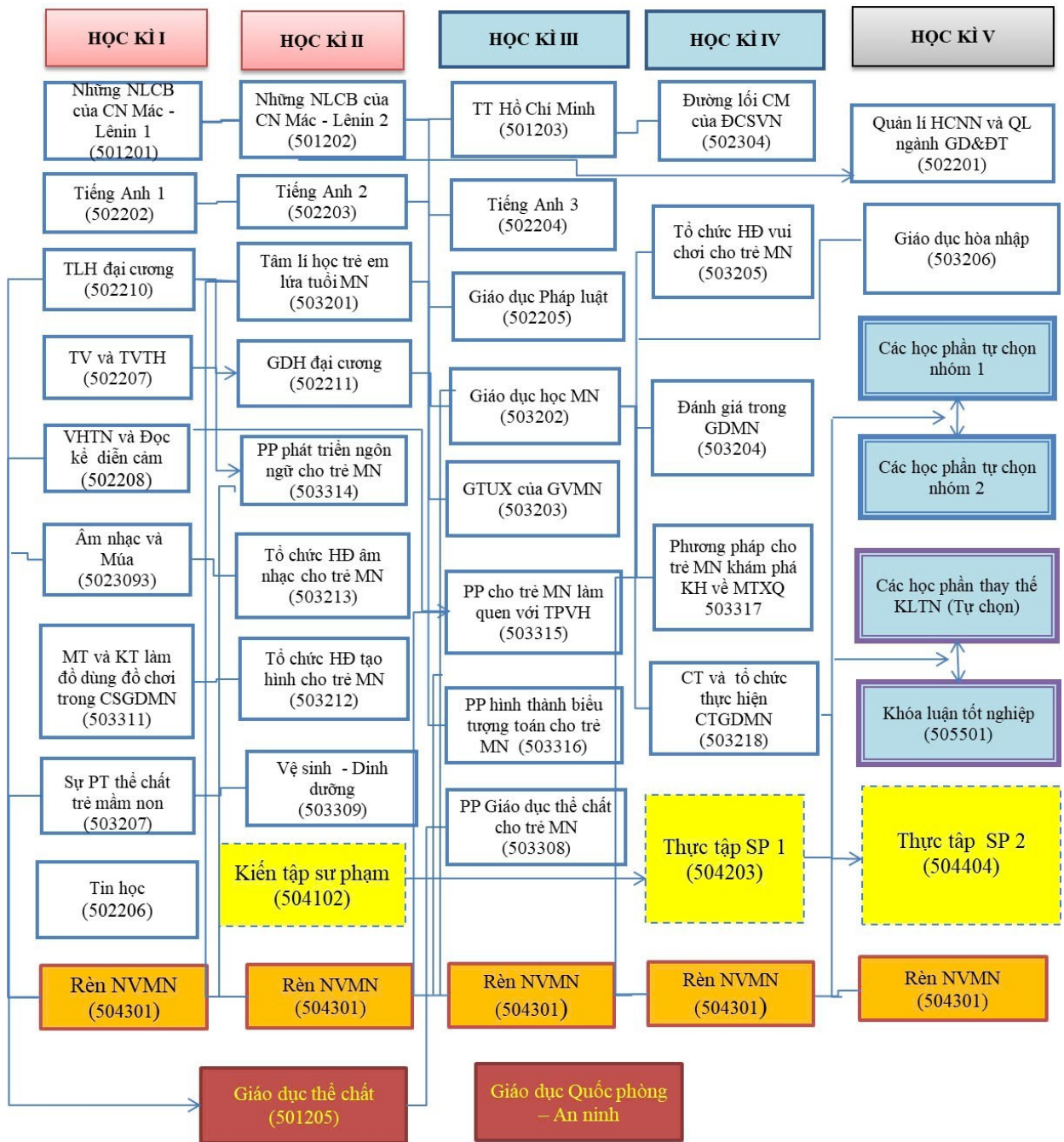
8.1. Cao đẳng chính quy

8.1.1. Kế hoạch đào tạo cao (Dự kiến 05 học kì)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân phối theo kì				
				I	II	III	IV	V
1. Khối kiến thức, kĩ năng giáo dục đại cương			10	2	3	2	3	0
1	501201	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	2				
2	501302	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3		3			
3	501203	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2		
4	501304	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3				3	
5	501205	Giáo dục thể chất	2*		1*	1*		
6	501306	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3*					
7	501207	Công tác quốc phòng và an ninh	2*					
8	501208	Quân sự chung (thực hành)	2*					
9	501409	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4*					
2. Khối kiến thức, kĩ năng cơ bản			23	13	4	4	0	2
10	502201	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD&ĐT	2					2
11	502202	Tiếng Anh 1	2	2				
12	502203	Tiếng Anh 2	2		2			
13	502204	Tiếng Anh 3	2			2		
14	502205	Giáo dục pháp luật	2			2		
15	502206	Tin học	2	2				
16	502207	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	2	2				
17	502208	Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm	2	2				
18	502309	Âm nhạc và Múa	3	3				
19	502210	Tâm lí học đại cương	2	2				
20	502211	Giáo dục học đại cương	2		2			
3. Khối kiến thức, kĩ năng chuyên ngành			47	5	12	13	9	8
3.1. Phần bắt buộc			43					
21	503201	Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non	2		2			
22	503202	Giáo dục học mầm non	2			2		
23	503203	Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non	2			2		
24	503204	Đánh giá trong GDMN	2				2	
25	503205	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2				2	
26	503206	Giáo dục hòa nhập	2					2
27	503207	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non	2	2				
28	503308	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3			3		
29	503309	Vệ sinh - Dinh dưỡng	3		3			
30	503210	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2					2
31	503311	Mĩ thuật và kĩ thuật làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN	3	3				
32	503212	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2		2			

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân phối theo kì				
				I	II	III	IV	V
33	503213	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	2		2			
34	503314	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3		3			
35	503315	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	3			3		
36	503316	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3			3		
37	503317	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3				3	
38	503218	Chương trình và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non	2				2	
3.2. Phần tự chọn			4					
*	<i>Lĩnh vực nghệ thuật (chọn 1 học phần)</i>		2					2
39	503219	Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN	2*					2*
40	503220	Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong cơ sở GDMN	2*					
41	503221	Mỹ thuật ứng dụng trong cơ sở GDMN	2*					
*	<i>Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</i>		2					2
42	503222	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2*					2*
43	503223	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2*					
44	503224	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2*					
45	503225	Kỹ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN	2*					
4. Thực hành, thực tập sư phạm			10	0	0	0	0	0
46	504301	Rèn nghiệp vụ mầm non	3	1*		1*		1*
47	504102	Kiến tập sư phạm	1		1*			
48	504203	Thực tập sư phạm 1	2				2*	
49	504404	Thực tập sư phạm 2	4					4*
5. Khóa luận và các HP thay thế khóa luận			5	0	0	0	0	5
50	505501	Khóa luận cuối khóa	5					5*
	Các học phần thay thế khóa luận (<i>chọn 2 HP, 5 TC</i>)		5					
51	505302	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	3*					3*
52	505303	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một	3*					
53	505304	Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN	3*					
54	505305	Chuyển đổi số trong GDMN	3*					
55	505206	Mô hình giáo dục STEAM trong cơ sở GDMN	2*					2*
56	505207	Phương pháp giáo dục Montessori trong cơ sở GDMN	2*					
57	505208	Phương pháp giáo dục Steiner Waldorf trong cơ sở GDMN	2*					
58	505209	Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN	2*					
Tổng số tín chỉ			95	20	19	19	12	15

8.1.2. Bản đồ dạy học



8.2. Cao đẳng vừa làm vừa học (Dự kiến 06 học kì)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân phối theo kì					
				I	II	III	IV	V	VI
1. Khối kiến thức, kĩ năng giáo dục đại cương			10	2	3	0	2	3	0
1	501201	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1	2	2					
2	501302	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 2	3		3				
3	501203	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2		
4	501304	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	3					3	
5	501205	Giáo dục thể chất	2*			1*	1*		
6	501306	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3*						
7	501207	Công tác quốc phòng và an ninh	2*						
8	501208	Quân sự chung (thực hành)	2*						
9	501409	Kĩ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4*						
2. Khối kiến thức, kĩ năng cơ bản			23	9	6	2	2	4	0
10	502201	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD&ĐT	2					2	
11	502202	Tiếng Anh 1	2		2				
12	502203	Tiếng Anh 2	2			2			
13	502204	Tiếng Anh 3	2				2		
14	502205	Giáo dục pháp luật	2					2	
15	502206	Tin học	2	2					
16	502207	Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	2	2					
17	502208	Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm	2		2				
18	502309	Âm nhạc và Múa	3	3					
19	502210	Tâm lí học đại cương	2	2					
20	502211	Giáo dục học đại cương	2		2				
3. Khối kiến thức, kĩ năng chuyên ngành			47	5	7	12	9	8	6
3.1. Phần bắt buộc			43						
21	503201	Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non	2		2				
22	503202	Giáo dục học mầm non	2			2			
23	503203	Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non	2			2			
24	503204	Đánh giá trong GDMN	2				2		
25	503205	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2				2		
26	503206	Giáo dục hòa nhập	2						2
27	503207	Sự phát triển thể chất trẻ mầm non	2	2					
28	503308	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	3					3	
29	503309	Vệ sinh - Dinh dưỡng	3			3			
30	503210	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2					2	
31	503311	Mỹ thuật và kĩ thuật làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN	3	3					
32	503212	Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	2		2				

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Phân phối theo kì					
				I	II	III	IV	V	VI
33	503213	Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	2			2			
34	503314	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	3		3				
35	503315	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	3			3			
36	503316	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	3					3	
37	503317	Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3				3		
38	503218	Chương trình và tổ chức thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non	2				2		
3.2. Phần tự chọn			4						
*	<i>Lĩnh vực nghệ thuật (chọn 1 học phần)</i>		2						2
39	503219	Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN	2*						2*
40	503220	Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong cơ sở GDMN	2*						
41	503221	Mỹ thuật ứng dụng trong cơ sở GDMN	2*						
*	<i>Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</i>		2						2
42	503222	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non	2*						2*
43	503223	Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non	2*						
44	503224	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2*						
45	503225	Kỹ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN	2*						
4. Thực hành, thực tập sư phạm			10	0	0	0	0	0	0
46	504301	Rèn nghiệp vụ mầm non	3		1*	*	1*	*	1*
47	504102	Kiến tập sư phạm	1		1*				
48	504203	Thực tập sư phạm 1	2				2*		
49	504404	Thực tập sư phạm 2	4						4*
5. Khóa luận và các HP thay thế khóa luận			5	0	0	0	0	0	5
50	505501	Khóa luận cuối khóa	5						5*
	Các học phần thay thế khóa luận (chọn 2 HP, 5 TC)		5						
51	505302	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non	3*						3*
52	505303	Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một	3*						
53	505304	Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN	3*						
54	505305	Chuyển đổi số trong GDMN	3*						
55	505206	Mô hình giáo dục STEAM trong cơ sở GDMN	2*						2*
56	505207	Phương pháp giáo dục Montessori trong cơ sở GDMN	2*						
57	505208	Phương pháp giáo dục Steiner Waldorf trong cơ sở GDMN	2*						
58	505209	Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN	2*						
Tổng số tín chỉ			95	16	16	14	13	15	11

(Kế hoạch được tổ chức linh hoạt phù hợp với hình thức đào tạo và điều kiện thực tiễn.)

9. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

9.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Ngoài chương mở đầu (giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, cấu trúc của chương trình môn học), nội dung chính của học phần cung cấp tri thức về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin, gồm 03 chương:

Chương 1 trình bày những nét khái quát về chủ nghĩa duy vật và quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.

Chương 2 trình bày các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật, lí luận nhận thức duy vật biện chứng.

Chương 3 trình bày quan điểm duy vật lịch sử về các quy luật vận động và phát triển của xã hội, lí luận về hình thái kinh tế - xã hội, vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội, quan điểm duy vật lịch sử về con người.

9.2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 1

Học phần gồm hai nội dung chính:

Nội dung thứ nhất: “Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”, chia làm 03 chương: học thuyết giá trị; học thuyết giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Nội dung thứ hai: “Lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội”, gồm 03 chương: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin 2

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh ngoài chương mở đầu có 7 chương. Các chương lần lượt trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; nội dung của các quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh; các giá trị tư tưởng, lí luận của Hồ Chí Minh đối với kho tàng lí luận cách mạng Việt Nam và thế giới. Qua đó giúp sinh viên nâng cao năng lực tư duy lí luận và phương pháp công tác, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện bản lĩnh chính trị của mình.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Ngoài chương mở đầu, nội dung học phần gồm 8 chương, đề cập đến hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng.

Học phần này có ý nghĩa rất lớn trong việc trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quá trình ra đời, trưởng thành của Đảng, về đường lối của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam; bồi dưỡng niềm tin cho sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lí tưởng và đường lối của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

9.5. Giáo dục thể chất

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lí luận thể dục thể thao (TDTT), những kiến thức về các hoạt động TDTT, các hình thức tập luyện, các bài tập của bộ môn Điền kinh và một trong các môn thể thao tự chọn như: Aerobic, Bóng bàn, Cầu lông, Bóng đá, Bóng chuyền, Đá cầu, Thể dục nhịp điệu, Võ thuật và biết cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện. Trên cơ sở đó học phần sẽ hình thành và phát triển cho sinh viên các năng lực: năng lực tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho bản thân, bạn bè, và trẻ mầm non, năng lực giáo dục trẻ, năng lực hoạt động xã hội (năng lực tham gia thi đấu và làm trọng tài ở một số môn thể thao, năng lực hướng dẫn cộng đồng tập luyện TDTT đúng cách).

9.6. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

9.7. Công tác quốc phòng và an ninh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

9.8. Quân sự chung

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

9.9. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

4 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

9.10. Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành GD&ĐT

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non, Đường lối CM của ĐCSVN

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước, quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo; điều lệ, quy chế, quy định của Bộ Giáo

dục và đào tạo đối với giáo dục mầm non; khái quát chung về công tác quản lý cơ sở giáo dục mầm non; công tác quản lý nhóm, lớp của người giáo viên mầm non; thực hành một số bài thi tuyển dụng viên chức.

9.11. Tiếng Anh 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần bao gồm 4 đơn vị bài học lớn liên quan đến các chủ đề quen thuộc hàng ngày như sở thích cá nhân, thể thao, thời tiết... Mỗi bài học được chia thành bốn phần bài. Phần A là phần giới thiệu và củng cố loạt từ vựng và trọng tâm ngữ pháp đầu tiên của mỗi bài học. Phần B tập trung thực hành các kỹ năng giao tiếp nghe, nói và phát âm thông qua các tình huống sinh động và tự nhiên. Phần C là các hoạt động mở rộng về ngữ pháp và từ vựng thông qua hoạt động nói có ngữ cảnh, bám sát khung năng lực ngoại ngữ. Phần D được thiết kế nhằm phát triển các kỹ năng đọc và viết của sinh viên thông qua các hoạt động gần gũi với cuộc sống đời thường như đọc hoặc viết thực đơn, tờ rơi, thư điện tử... Các bài học chú trọng thực hành rèn kỹ năng hướng đến việc đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Học phần tăng cường sử dụng phương pháp dạy học tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp và công nghệ số, giúp người học có đủ năng lực thực hành giao tiếp tiếng Anh ở mức độ cơ bản.

9.12. Tiếng Anh 2

2TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 củng cố và nâng cao các kiến thức, kỹ năng đã tích lũy ở học phần Tiếng Anh 1. Nội dung học phần bao gồm 4 đơn vị bài học gắn liền với các chủ đề quen thuộc như sức khỏe, mua sắm, thành phố, ở nhà hàng. Mỗi đơn vị bài học gồm 4 phần được thiết kế để rèn luyện đồng thời bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, giúp người học sử dụng tiếng Anh một cách tự tin và hiệu quả trong các tình huống giao tiếp thực tế. Phần A giới thiệu và củng cố từ vựng, trọng tâm ngữ pháp và phát âm liên quan đến chủ đề bài học. Phần B tập trung thực hành các kỹ năng giao tiếp nghe, nói dựa trên các tình huống thực tế. Phần C mở rộng vốn từ vựng về chủ đề và cấu trúc ngữ pháp liên quan. Phần D được thiết kế nhằm phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc hoặc viết liên quan đến chủ đề bài học. Bên cạnh đó, người học được làm quen và thực hành một số dạng bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra. Học phần tăng cường sử dụng phương pháp dạy học tiếng Anh theo đường hướng giao tiếp và công nghệ số, giúp người học có đủ năng lực thực hành giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

9.13. Tiếng Anh 3

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về phương pháp và kỹ thuật tổ chức cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh từ mức độ rất đơn giản đến đơn giản. Nội dung của học phần là các hoạt động cụ thể cho trẻ làm quen với tiếng Anh phù hợp với lứa tuổi mẫu giáo, bao gồm: trò chơi ngôn ngữ, trò chơi vận

động, hát bài hát, hát vắn, hỏi - đáp, đọc theo tranh, tô màu... Ngoài ra, học phần cũng giúp phát triển kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ số, giáo cụ trực quan và kỹ năng đánh giá sự tiến bộ của trẻ trong việc phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức độ đơn giản nhất.

9.14. Giáo dục pháp luật

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm một số vấn đề cơ bản của pháp luật Việt Nam, một số luật liên quan trực tiếp đến chuyên ngành đào tạo giáo viên mầm non như: Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em, Luật trẻ em, Luật Bình đẳng giới. Học phần cũng tích hợp một số kiến thức về phòng, chống tham nhũng và tiêu cực; một số vấn đề liên quan đến quyền trẻ em và bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục. Trên cơ sở nội dung đó, học phần nhằm bồi dưỡng tình cảm, xây dựng niềm tin, thái độ giác ngộ, ý thức công dân của sinh viên đối với pháp luật; tạo lập thói quen sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.

9.15. Tin học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non. Nội dung gồm: tổng quan về công nghệ thông tin và môi trường số; kỹ năng sử dụng máy tính, hệ điều hành, internet, thư điện tử, mạng xã hội; ứng dụng trí tuệ nhân tạo; soạn thảo văn bản; thiết kế bài giảng điện tử; xử lý bảng tính.

Thông qua các hoạt động học tập, thực hành và thảo luận, sinh viên phát triển năng lực số, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao tư duy công nghệ, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong thời đại chuyển đổi số.

9.16. Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và tiếng Việt như: bản chất xã hội của ngôn ngữ; hệ thống tín hiệu ngôn ngữ; nguồn gốc và quá trình phát triển của tiếng Việt, đặc điểm loại hình tiếng Việt; các bình diện ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn bản của tiếng Việt; đồng thời cung cấp tri thức về các cách thức sử dụng tiếng Việt trong hoạt động tạo lập và tiếp nhận ngôn bản. Học phần cũng chú trọng rèn luyện các kỹ năng cụ thể phục vụ cho hoạt động học tập, giao tiếp và giảng dạy của sinh viên, bao gồm: kỹ năng chính tả; kỹ năng dùng từ; kỹ năng đặt câu; kỹ năng viết đoạn văn, văn bản. Những kỹ năng này được rèn luyện gắn với các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ ở trường mầm non; giúp sinh viên có khả năng tổ chức một cách hiệu quả các hoạt động đó trong quá trình công tác sau này.

9.17. Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về văn học thiếu nhi gồm: vai trò của văn học thiếu nhi trong giáo dục mầm non; một số thể loại văn học

dân gian trong chương trình giáo dục mầm non; đặc điểm nội dung, nghệ thuật một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng về đọc, kể diễn cảm và thực hành đọc, kể diễn cảm một số tác phẩm văn học trong chương trình giáo dục mầm non.

9.18. Âm nhạc và Múa

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Sau khi học xong học phần, sinh viên hiểu được một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về nhạc lí, âm thanh, cao độ, trường độ, nhịp, phách, cung, quãng, hợp âm, điệu thức, dịch giọng. Tập đọc nhạc các bài trong chương trình giáo dục mầm non. Học phần cũng giới thiệu sơ lược về kỹ thuật ca hát, các khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa, một số kỹ năng múa, một số động tác múa dân gian các dân tộc.

9.19. Tâm lí học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung của học phần bao gồm hệ thống khái niệm cơ bản của Tâm lí học: tâm lí, hoạt động, ý thức, nhân cách; các mặt cơ bản của đời sống tâm lí con người: nhận thức, tình cảm, ý chí; các phương pháp nghiên cứu của Tâm lí học. Nội dung học phần này được thể hiện trong 04 chương là nền tảng giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.20. Giáo dục học đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của Giáo dục học đại cương: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục; vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, nguyên lí giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; một số lí luận cơ bản về dạy học, giáo dục ... nhằm hình thành năng lực tìm hiểu môi trường giáo dục, tìm hiểu yêu cầu của môi trường với giáo dục; năng lực nghiên cứu khoa học; là cơ sở hình thành năng lực dạy học, giáo dục; hình thành lòng yêu nghề, yêu trẻ góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.21. Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học đại cương

Nội dung của học phần bao gồm các vấn đề cơ bản của tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non: hoạt động chủ đạo, đặc điểm phát triển tâm lí trẻ em lứa tuổi mầm non từ ấu nhi đến mẫu giáo lớn. Nội dung học phần được thể hiện trong 04 chương, giúp sinh viên hiểu được đặc điểm tâm lí, nhân cách trẻ em lứa tuổi mầm non theo từng độ tuổi nhằm trực tiếp đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.22. Giáo dục học mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học đại cương

Nội dung của học phần bao gồm hệ thống khái niệm cơ bản của Giáo dục học mầm non: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non; mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và các điều kiện chăm sóc -

giáo dục trẻ nhà trẻ, mẫu giáo; chế độ sinh hoạt cho trẻ mầm non ở các độ tuổi; các hoạt động giáo dục trẻ mầm non; nội dung và các biện pháp kết hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục trẻ mầm non; ý nghĩa, các quan điểm, nội dung, biện pháp chuẩn bị cho trẻ mẫu giáo vào học bậc tiểu học nhằm góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên mầm non: năng lực tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ mầm non; năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Hình thành lòng yêu nghề, yêu trẻ góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.23. Giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non: khái niệm, đặc trưng, hình thức, phương tiện, nguyên tắc... giao tiếp ứng xử của giáo viên mầm non; giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non với trẻ và với các lực lượng khác (cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ, đồng nghiệp, lãnh đạo) trong giáo dục mầm non. Nội dung học phần còn giúp sinh viên hình thành được các kỹ năng khi giáo viên giao tiếp, ứng xử với trẻ mầm non: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng xử lý tình huống... và các kỹ năng khi giáo viên giao tiếp, ứng xử với các lực lượng khác: với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ, với đồng nghiệp và với lãnh đạo; là cơ sở để đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.24. Đánh giá trong giáo dục mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non*

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đánh giá trong giáo dục mầm non: các khái niệm cơ bản; các nguyên tắc đánh giá; chức năng của đánh giá và mục đích, mục tiêu đánh giá trong giáo dục mầm non; các nội dung, phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ... Học phần hình thành năng lực quan sát, thiết kế các công cụ đánh giá và đánh giá trong giáo dục mầm non, năng lực sử dụng xử lý số liệu đánh giá nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.25. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học đại cương*

Nội dung cơ bản của học phần bao gồm những vấn đề chung về hoạt động vui chơi: khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò; hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi và hoạt động vui chơi theo chế độ sinh hoạt cho trẻ ở trường mầm non. Nội dung học phần là nền tảng để sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức được học để lập kế hoạch tổ chức hoạt động với đồ vật, tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.26. Giáo dục hòa nhập

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non*

Nội dung của học phần bao gồm các tri thức cơ bản của Giáo dục hòa nhập: đặc điểm tâm lý, nhân cách, ngôn ngữ, hành vi của trẻ có nhu cầu đặc biệt trong trường mầm non và các nguyên tắc, quy trình, cách lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch, các điều kiện để giáo dục trẻ hòa nhập cộng đồng. Nội dung học phần giúp sinh viên nhận biết

được chân dung tâm lí của trẻ có nhu cầu đặc biệt và các biện pháp cơ bản để giáo dục trẻ hòa nhập cộng đồng nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.27. Sự phát triển thể chất trẻ mầm non

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu về sự phát triển các chỉ số thể chất của cơ thể trẻ mầm non, bao gồm: cấu tạo chung, các quy luật và các giai đoạn phát triển thể chất của cơ thể trẻ mầm non; đặc điểm cấu tạo, chức năng và hoạt động sinh lí của các hệ cơ quan trong cơ thể trẻ; quá trình phát triển các chỉ số thể chất diễn ra trong cơ thể trẻ; các biện pháp vệ sinh để gìn giữ sức khỏe và phòng tránh các bệnh thường gặp ở trẻ.

Học phần có sự tích hợp kiến thức về giới và bình đẳng giới thông qua các nội dung: cơ chế xác định giới tính, sự hình thành giới tính ở người, đặc điểm phát triển giới tính ở nam và nữ, cơ chế điều tiết các chức năng sinh dục.

Qua học phần, người học nắm được các kiến thức cơ bản về đặc điểm phát triển thể chất của cơ thể trẻ mầm non, từ đó hiểu và vận dụng được vào việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đúng đắn và khoa học ở cơ sở giáo dục mầm non cũng như trong thực tiễn đời sống.

9.28. Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất, Sự phát triển thể chất trẻ mầm non, Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lí luận giáo dục thể chất (GDTC), về đặc điểm tâm sinh lí vận động, tác dụng của GDTC với trẻ mầm non; nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương tiện, phương pháp, hình thức tổ chức GDTC cho trẻ mầm non; cách kiểm tra theo dõi sức khỏe cho trẻ trong giờ học; thực hành soạn giáo án và lên lớp giờ GDTC. Qua đó giúp sinh viên hình thành năng lực tổ chức hoạt động GDTC cho trẻ mầm non, năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng vận động trong thể dục thể thao vào cuộc sống thực tiễn, năng lực hoạt động xã hội.

9.29. Vệ sinh - Dinh dưỡng

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ mầm non

Học phần bao gồm những kiến thức, kĩ năng cơ bản về vệ sinh học và dinh dưỡng học, từ đó vận dụng trong nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non, bao gồm: các biện pháp vệ sinh trường, lớp và vệ sinh chăm sóc trẻ; cách lựa chọn, sử dụng và chế biến thực phẩm an toàn; phân tích, đánh giá, điều chỉnh khẩu phần ăn, xây dựng thực đơn cho trẻ theo độ tuổi; tổ chức dinh dưỡng hợp lí; tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ.

Học phần rất cần thiết cho người giáo viên mầm non trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non cũng như trong đời sống một cách an toàn, khoa học, nhằm đảm bảo sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ.

9.30. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non**2TC****Điều kiện tiên quyết:** *Vệ sinh - Dinh dưỡng*

Học phần bao gồm những kiến thức, kĩ năng cơ bản về bệnh và tai nạn ở trẻ em: các bệnh thường gặp ở trẻ; phòng và sơ cứu ban đầu một số bệnh thường gặp; bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp ở trẻ; giáo dục phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non.

Học phần rất cần thiết cho người giáo viên mầm non trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non cũng như trong đời sống một cách an toàn, khoa học, nhằm đảm bảo sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ.

9.31. Mĩ thuật và kĩ thuật làm đồ dùng đồ chơi trong cơ sở GDMN **3 TC****Điều kiện tiên quyết:** *Không*

Học phần cung cấp một số nét khái quát về lịch sử mĩ thuật Việt Nam; những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình, bao gồm khái niệm, ngôn ngữ tạo hình, các loại hình nghệ thuật và chuyên ngành như hội họa, đồ họa, điêu khắc; tìm hiểu các yếu tố cơ bản trong tạo hình như luật xa gần, tỉ lệ cơ thể người; các yếu tố giúp thể hiện bài vẽ theo mẫu, từ đó thực hành vẽ khối cơ bản và khối biến dạng trong thiên nhiên. Nội dung học phần cũng đề cập đến khái niệm màu sắc, nguyên tắc phối màu, ứng dụng màu trong vẽ tranh và trang trí các hình cơ bản. Sinh viên được hướng dẫn cách thể hiện tranh theo đề tài thông qua sắp đặt hình ảnh và sử dụng nhiều kĩ thuật như vẽ, xé, cắt dán. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị kĩ năng phóng tranh phục vụ cho giảng dạy, thực hành nặn các sản phẩm tạo hình; kĩ thuật làm đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu sẵn có; cách sử dụng công cụ và tổ chức hoạt động tạo hình hiệu quả trong môi trường giáo dục mầm non.

9.32. Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** *Mĩ thuật và kĩ thuật làm đồ dùng đồ chơi trong cơ sở GDMN*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm hoạt động tạo hình, hoạt động tạo hình của trẻ, nội dung hoạt động tạo hình trong trường Mầm non, mối quan hệ của hoạt động tạo hình với các bộ môn khác trong giáo dục sự toàn diện cho trẻ. Qua học phần, sinh viên hiểu được khả năng tạo hình của trẻ qua từng giai đoạn để phục vụ cho việc dạy học và hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình; nắm được khái niệm, phương pháp, hình thức hướng dẫn trẻ hoạt động tạo hình; từ đó xác định rõ mục tiêu, nội dung và cách thức hướng dẫn hoạt động tạo hình. Sinh viên thực hành sử dụng phương pháp trong hoạt động tạo hình, phương pháp hướng dẫn trẻ tạo hình qua các thể loại cụ thể ở các lứa tuổi như tạo hình theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích, với các hình thức vẽ, nặn, xé cắt dán; thực hành soạn giáo án và tổ chức hoạt động tạo hình đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9.33. Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** *Âm nhạc và Múa*

Nội dung bao gồm: Một số vấn đề chung về giáo dục âm nhạc ở trường mầm non (vai trò, mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo

dục âm nhạc của trường mầm non); các phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc trong trường mầm non (ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc...); cách thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động âm nhạc phù hợp với từng độ tuổi; thực hành tổ chức và đánh giá hoạt động âm nhạc trong trường mầm non. Học phần giúp sinh viên biết cách tổ chức hoạt động âm nhạc sáng tạo, hấp dẫn, góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ, kỹ năng vận động, ngôn ngữ và tình cảm xã hội cho trẻ mầm non.

9.34. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành*

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhiệm vụ, hình thức và phương pháp phát triển ngôn ngữ trẻ em; giáo dục chuẩn mực ngữ âm tiếng Việt; hình thành và phát triển vốn từ; dạy trẻ sử dụng các mẫu câu tiếng Việt; phát triển ngôn ngữ mạch lạc; phát triển ngôn ngữ nghệ thuật cho trẻ qua tác phẩm văn học; phát triển khả năng tiền đọc, viết cho trẻ và hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non khuyết tật. Cùng với hệ thống kiến thức đó, học phần có các nội dung thực hành thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động phát triển ngôn ngữ cho trẻ theo các chủ đề giáo dục trong đó có lồng ghép một số nội dung về giáo dục giới tính, bình đẳng giới và quyền trẻ em đồng thời ứng dụng một số phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến (Montessori, STEAM), công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo... đáp ứng thực tế đổi mới giáo dục mầm non.

9.35. Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với TPVH

3 TC

Điều kiện tiên quyết: *Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm*

Nội dung cơ bản của học phần là những kiến thức về: đặc điểm của thơ, truyện viết cho trẻ; vai trò của văn học đối với sự phát triển trẻ thơ; một số đặc điểm tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non liên quan đến việc tiếp nhận tác phẩm văn học; các phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học; cách tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với văn học và sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.

9.36. Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non

3 TC

Điều kiện tiên quyết: *Giáo dục học mầm non*

Nội dung học phần bao gồm một số vấn đề chung như vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc, các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non theo định hướng đổi mới. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm; biểu tượng về kích thước; biểu tượng về hình dạng; biểu tượng về định hướng trong không gian; biểu tượng về định hướng thời gian cho trẻ. Qua học phần, sinh viên biết sử dụng CNTT và công nghệ số; vận dụng phương pháp Montessori vào tổ chức hoạt động hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.

9.37. Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá khoa học về môi trường xung quanh **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non*

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội; đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; mục đích, ý nghĩa, nhiệm vụ, nguyên tắc của việc cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh; mục tiêu, nội dung, phương pháp, các điều kiện và hình thức tổ chức cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh, trong đó có lồng ghép một số nội dung về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, quyền trẻ em và cách ứng dụng mô hình giáo dục STEAM vào tổ chức hoạt động... Học phần chú trọng thực hành. Thông qua các hoạt động thực hành, tự học, sinh viên có kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin và công nghệ số để thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh theo các chủ đề giáo dục ở trường mầm, theo mô hình giáo dục STEAM trên quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, đáp ứng thực tế đổi mới giáo dục mầm non.

9.38. Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GDMN **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: *Giáo dục học mầm non*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chương trình và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non, cụ thể gồm: một số vấn đề chung về chương trình giáo dục mầm non (khái niệm chương trình, cấu trúc chương trình, cách tiếp cận và nguyên tắc xây dựng chương trình, sơ lược lịch sử phát triển của chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ); lập kế hoạch tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tổ chức các hoạt động tích hợp theo chủ đề; đánh giá trong việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục (nguyên tắc và yêu cầu đối với việc xây dựng môi trường giáo dục, hướng dẫn cách thức tạo dựng và sử dụng môi trường giáo dục cho các hoạt động).

9.39. Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN **2TC**

Điều kiện tiên quyết: *Không*

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về mỹ học như khách thể thẩm mỹ, chủ thể thẩm mỹ, nghệ thuật và cách khai thác, ứng dụng chúng trong cơ sở giáo dục mầm non; trang bị kiến thức về vai trò, nội dung, hình thức của giáo dục thẩm mỹ đối với trẻ mầm non. Học phần củng cố lòng yêu trẻ, yêu nghề, kiên trì và có trách nhiệm trong chăm sóc, giáo dục trẻ của người giáo viên mầm non tương lai. Ngoài ra, học phần góp phần bồi dưỡng năng lực thẩm mỹ cá nhân cho người học; trân trọng, đề cao vai trò của cái đẹp và nghệ thuật trong đời sống; bồi đắp đời sống tinh thần phong phú, xây dựng thái độ sống tích cực theo quy luật của cái đẹp cho bản thân, gia đình, cộng đồng.

9.40. Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong cơ sở GDMN 2TC

Điều kiện tiên quyết: Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm, Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong cơ sở giáo dục mầm non như: khái niệm kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch; vai trò, ý nghĩa của hoạt động kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch; các yếu tố ảnh hưởng tới tính sáng tạo của trẻ mầm non trong hoạt động kể chuyện sáng tạo và chơi đóng kịch; các nội dung, phương pháp hướng dẫn trẻ kể chuyện sáng tạo và chơi đóng kịch trong cơ sở giáo dục mầm non. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ kể chuyện sáng tạo, chơi đóng kịch; đánh giá được hoạt động kể chuyện sáng tạo và chơi đóng kịch của trẻ mầm non. Những kỹ năng này được rèn luyện gắn với việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; giúp sinh viên có khả năng tổ chức một cách hiệu quả các hoạt động có chủ đích ở cơ sở giáo dục mầm non.

9.41. Mỹ thuật ứng dụng trong cơ sở GDMN 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật và Kỹ thuật làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở giáo dục mầm non

Học phần cung cấp những kiến thức về khái niệm, vai trò của mỹ thuật ứng dụng trong giáo dục mầm non; những nguyên tắc và hình thức trang trí, sắp đặt trong không gian lớp học, góc hoạt động và khuôn viên trường mầm non. Học phần hình thành cho sinh viên các kỹ năng: thiết kế, trang trí và tổ chức không gian phục vụ các hoạt động trong cơ sở mầm non theo định hướng thẩm mỹ ứng dụng; vận dụng các kỹ thuật vẽ tranh tường, đắp nổi, tạo hình để trang trí lớp học và sân trường; thực hành sáng tạo với nhiều chất liệu giấy, vải, xốp, gỗ, nhựa tái chế, xi măng, thạch cao... phù hợp với mục tiêu giáo dục. Qua đó góp phần hình thành, phát triển năng lực thẩm mỹ, sáng tạo cá nhân và làm việc nhóm trong hoạt động trang trí môi trường giáo dục mầm non.

9.42. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ: khái niệm, vai trò, nguyên tắc, xây dựng môi trường phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ; mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ. Trên cơ sở đó tích cực vận dụng những kiến thức được học vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non. Nội dung học phần được thể hiện trong ba chương là nền tảng giúp sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non.

9.43. Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non, Giáo dục học mầm non

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, mục tiêu, nguyên tắc; nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non nhằm đạt được mã chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

9.44. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non**2 TC****Điều kiện tiên quyết:** Giáo dục học mầm non

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường cho trẻ mầm non bao gồm: một số vấn đề chung về giáo dục môi trường (tầm quan trọng của giáo dục môi trường và một số khái niệm trong môi trường và giáo dục môi trường, phát triển bền vững, các hoạt động giáo dục môi trường, module giáo dục môi trường, sơ lược về tình hình giáo dục môi trường hiện nay); cơ sở khoa học của giáo dục môi trường cho trẻ mầm non (khái niệm, ý nghĩa, bản chất của việc giáo dục môi trường cho trẻ mầm non, đặc điểm lĩnh hội tri thức về môi trường của trẻ mầm non, quan điểm cơ bản trong giáo dục môi trường cho trẻ mầm non); quá trình giáo dục môi trường trong cơ sở giáo dục mầm non (mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện giáo dục môi trường cho trẻ mầm non). Học phần cũng bao gồm các nội dung thảo luận, các bài thực hành giúp sinh viên hình thành kĩ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non có tích hợp giáo dục môi trường như: hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, hoạt động tham quan, sinh hoạt hằng ngày...

9.45. Kĩ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN**2TC****Điều kiện tiên quyết:** Tổ chức hoạt động âm nhạc, Tổ chức hoạt động tạo hình

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: khái niệm ngày hội, ngày lễ ở cơ sở GDMN; những công việc cần thiết để tổ chức ngày hội, ngày lễ ở cơ sở GDMN; xây dựng kịch bản và hướng dẫn tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở cơ sở GDMN. Học phần cũng chú trọng rèn luyện các kĩ năng cụ thể cho sinh viên như thực hành lập kế hoạch tổ chức ngày hội, ngày lễ và xây dựng kịch bản theo kế hoạch. Tiếp đến, sinh viên thực hành tập luyện theo nhóm để tổ chức một số ngày hội, ngày lễ ở cơ sở GDMN. Từ các kiến thức và kĩ năng trên giúp sinh viên sau khi ra trường có thể tổ chức và tham gia hoạt động tổ chức ngày hội, ngày lễ ở các cơ sở GDMN.

9.46. Rèn nghiệp vụ mầm non**3TC****Điều kiện tiên quyết:** Không

Nội dung cơ bản của học phần là các hoạt động thực hành để hình thành được các kĩ năng, năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, bao gồm: kĩ năng biết sử dụng một số TEST trí tuệ, nhân cách dành cho trẻ mẫu giáo; kĩ năng nhận diện, xây dựng và giải quyết tình huống sư phạm theo quy trình; thực hành giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non; làm quen với buổi thi ứng xử tình huống sư phạm của giáo viên mầm non;

lập kế hoạch chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ mầm non; thực hành giáo dục kỹ năng sống; tổ chức, hướng dẫn một trò chơi cụ thể phù hợp với trẻ mầm non; tìm hiểu, xem băng hình, tài liệu giới thiệu về các hoạt động ở trường mầm non và một số phương pháp tiên tiến trong giáo dục mầm non trong quá thiết kế và tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; vận dụng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non nhằm góp phần đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non.

9.47. Kiến tập sư phạm

1 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*

Nội dung học phần: sinh viên quan sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non, các hoạt động trong ngày, tuần của cô giáo mầm non. Qua đó, tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của cơ sở giáo dục mầm non, chức năng nhiệm vụ của giáo viên mầm non. Tham gia các buổi thảo luận, xêmina, thực hiện các bài tập về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ. Làm quen với nghề giáo viên mầm non. Học phần nhằm hình thành và phát triển ở sinh viên phẩm chất đạo đức và thái độ nghề nghiệp; củng cố nhận thức ban đầu về giáo dục mầm non.

9.48. Thực tập sư phạm 1

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Giáo dục học mầm non, Kiến tập sư phạm*

Nội dung học phần: sinh viên tìm hiểu về giáo dục địa phương và cơ sở giáo dục mầm non, tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý nhóm lớp. Sinh viên được thực hành các hoạt động trên lớp cơ bản của người giáo viên mầm non, thực hành ứng xử với trẻ, cha mẹ trẻ, với giáo viên và các nhà quản lý; lập kế hoạch hoạt động và quản lý của nhóm lớp theo chương trình giáo dục mầm non; tham gia các hoạt động chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non và trao đổi một số nội dung trong hoạt động chuyên môn; thực hành tổ chức một hoạt động có chủ đích cho một nhóm lớp. Học phần nhằm hình thành cho sinh viên năng lực nghề nghiệp: năng lực chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; năng lực quản lý nhóm, lớp; năng lực giáo dục trẻ, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp.

9.49. Thực tập sư phạm 2

4 TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm 1*

Nội dung học phần: sinh viên thực hành các hoạt động của giáo viên mầm non, tham gia vào các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; lập kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đồng thời triển khai thực hiện kế hoạch ở nhóm lớp trong cơ sở giáo dục mầm non. Qua đó, củng cố nhận thức về nghề chăm sóc giáo dục trẻ, củng cố các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản.

Học phần này còn bao gồm các hoạt động lên lớp dạy học và rút kinh nghiệm các giờ dạy. Tổ chức các hoạt động giáo dục và rút kinh nghiệm các hoạt động đã thực hiện. Hoàn thành báo cáo thu hoạch tổng kết, đánh giá thực tập sư phạm.

Học phần có tác dụng tích cực tới việc hình thành cho sinh viên các năng lực nghề nghiệp: năng lực chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; năng lực quản lý nhóm, lớp; năng lực giáo dục trẻ... và thái độ nghề nghiệp.

9.50. Khóa luận cuối khóa

5 TC

Điều kiện tiên quyết: Đạt các điều kiện làm khóa luận cuối khóa

Cung cấp cho người học những hiểu biết về quy trình thực hiện một đề tài khoa học, những kỹ năng cơ bản ban đầu về nghiên cứu khoa học giáo dục, đặc biệt là giáo dục mầm non, làm cơ sở để phát triển năng lực cá nhân trong hoạt động nghề nghiệp.

9.51. Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non

3TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm I*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về hoạt động trải nghiệm như: khái niệm, mục đích, nguyên tắc, các nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, cách thức đánh giá trẻ qua hoạt động trải nghiệm...; rèn luyện các kỹ năng cụ thể phục vụ cho hoạt động giảng dạy của sinh viên, bao gồm: kỹ năng xác định và xây dựng được mục tiêu cụ thể với mỗi hoạt động trải nghiệm của trẻ, kỹ năng thiết kế và tổ chức một số hình thức hoạt động trải nghiệm phổ biến cho trẻ mầm non, kỹ năng đánh giá hoạt động trải nghiệm của trẻ mầm non. Những kỹ năng này được rèn luyện gắn với việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; giúp sinh viên có khả năng tổ chức một cách hiệu quả các hoạt động có chủ đích ở cơ sở giáo dục mầm non.

9.52. Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một

3 TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm I*

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về cơ sở của việc chuẩn bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ trước khi vào lớp Một; khái quát mục tiêu và chương trình môn Tiếng Việt, môn Toán lớp Một hiện hành; nội dung kiến thức, kỹ năng cần trang bị cho trẻ trước khi vào lớp Một; phương pháp hướng dẫn các hoạt động cho trẻ học đọc, học viết, học toán cho trẻ trước khi vào lớp Một. Bên cạnh đó, học phần có nội dung thực hành xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình và tổ chức một số hoạt động cho trẻ học đọc, học viết, học toán cho trẻ trước khi vào lớp Một. Học phần góp phần hình thành năng lực số, năng lực tự chủ và trách nhiệm, năng lực giáo dục trẻ khi tham gia thực hiện các hoạt động trong cơ sở giáo dục mầm non

9.53. Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN

3 TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm I*

Học phần cung cấp một số kiến thức chuyên sâu theo 03 chuyên đề: “Xu hướng hướng đổi mới giáo dục mầm non”; “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm” và “Những vấn đề đổi mới sáng tạo của giáo viên mầm non trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non”.

Trên cơ sở kiến thức trọng tâm, học phần hướng dẫn sinh viên: thực hành xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo các chủ đề có vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp với Chương trình Giáo

dục mầm non và thực tế của địa phương; quan sát và đánh giá môi trường giáo dục, thiết kế môi trường giáo dục của trường, lớp mầm non ở các lứa tuổi theo quan điểm lớp học hạnh phúc, giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; xây dựng kế hoạch đổi mới sáng tạo trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non. Thông qua các hoạt động thực hành và tự học, sinh viên được rèn kỹ năng sử dụng CNTT và công nghệ số; củng cố và nâng cao năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của CTĐT.

9.54. Chuyển đổi số trong GDMN

3 TC

Điều kiện tiên quyết: *Tin học*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số trong giáo dục mầm non; các xu hướng chuyển đổi số trong giáo dục mầm non hiện nay; các chức năng cơ bản của một số phần mềm trong thiết kế học liệu số; một số ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế học liệu số; khái niệm và vai trò của một số phần mềm trong quản lý, phối hợp các lực lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non; việc giao tiếp và hợp tác với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ qua nền tảng số; vấn đề về an toàn và đạo đức trong môi trường giáo dục mầm non. Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nhận thức và vận dụng kiến thức để thiết kế các học liệu số; biết cách đánh giá quá trình phát triển của trẻ; biết cách bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu trẻ nhằm hình thành năng lực nghề nghiệp của người giáo viên mầm non.

9.55. Mô hình giáo dục STEAM trong cơ sở GDMN

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm 1*

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: những vấn đề chung của giáo dục STEM/STEAM (khái niệm, đặc trưng của giáo dục STEAM trong GDMN, giáo dục STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nguyên tắc thực hiện giáo dục STEAM trong giáo dục mầm non); hướng dẫn ứng dụng mô hình giáo dục STEAM trong cơ sở giáo dục mầm non (các cấp độ thực hiện giáo dục STEAM trong giáo dục mầm non, hướng dẫn thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non, bao gồm các nguyên tắc, quy trình thiết kế hoạt động giáo dục STEAM và thực hành tổ chức một hoạt động giáo dục STEAM cụ thể); khái niệm về môi trường giáo dục, môi trường giáo dục STEAM, đặc điểm, yêu cầu, cách xây dựng và thực hành xây dựng môi trường giáo dục STEAM cho trẻ.

9.56. Phương pháp giáo dục Montessori trong cơ sở GDMN

2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm 1*

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của Maria Montessori; triết lý, nguyên tắc giáo dục của phương pháp giáo dục Montessori; chương trình giáo dục, phương tiện và phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo phương pháp Montessori trong cơ sở giáo dục mầm non; cách thức tổ chức một số hoạt động theo các góc trong lớp học của trẻ... Từ những kiến thức này, sinh viên vận dụng thực hành lập kế hoạch và tổ chức một số hoạt động giáo dục cho trẻ theo phương pháp Montessori.

9.57. Phương pháp giáo dục Steiner Waldorf trong cơ sở GDMN 2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Thực tập sư phạm 1*

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Cuộc đời và sự nghiệp của Rudolf Steiner; quan điểm của Steiner về trẻ em và giáo dục trẻ em; một số hoạt động chủ yếu và cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ theo phương pháp Steiner, bao gồm: hoạt động chơi tự do, chơi sáng tạo; hoạt động kể chuyện, hoạt động nghệ thuật, nhịp điệu; định hướng ứng dụng phương pháp Steiner... trong cơ sở giáo dục mầm non. Cùng với nội dung lí thuyết, học phần có nội dung thực hành thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho trẻ theo phương pháp Steiner. Học phần củng cố và nâng cao năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kĩ năng ứng dụng CNTT và AI trong tự học, tự nghiên cứu cho người học.

9.58. Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN 2 TC

Điều kiện tiên quyết: *Mỹ thuật và kĩ thuật làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN*

Học phần cung cấp những kiến thức và kĩ năng cơ bản về thiết kế, chế tác và sử dụng đồ dùng múa rối phục vụ hoạt động giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non. Sinh viên được tìm hiểu về lịch sử phát triển, đặc điểm và vai trò của nghệ thuật múa rối trong giáo dục trẻ, cũng như các loại hình múa rối thường được ứng dụng như rối dẹt, rối tay (rối bàn tay, rối ngón tay) và rối nước. Học phần giới thiệu cách sử dụng con rối, cách ứng dụng CNTT để lồng ghép âm thanh, nhạc điệu, cách để tổ chức các hoạt động như kể chuyện, đóng vai, biểu diễn nghệ thuật trong lớp học mầm non. Bên cạnh đó, sinh viên được hướng dẫn kĩ thuật và thực hành làm các loại con rối bằng nhiều chất liệu khác nhau như vải, giấy, gỗ, xốp, nhựa tái chế; cách thiết kế và trang trí các dạng sân khấu biểu diễn múa rối phổ biến trong nhà trường như sân khấu hộp, sân khấu mở và sân khấu nước, góp phần xây dựng môi trường học tập sinh động, sáng tạo và mang đậm giá trị văn hóa truyền thống.

10. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định hiện có 77 giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTĐT ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non, trong đó 95% giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định; có năng lực chuyên môn và kĩ năng sư phạm đáp ứng được yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của chương trình đào tạo; thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ đào tạo. Thông tin về giảng viên được công khai trên website của nhà trường.

Đội ngũ giảng viên cơ hữu tại các khoa đào tạo được bố trí giảng dạy và sinh hoạt theo các Bộ môn. Mỗi môn học/học phần trong chương trình đào tạo đều có tối thiểu 02 giảng viên trở lên chuyên trách thực hiện.

(Thông tin giảng viên giảng dạy các học phần tại **Phụ lục 1**).

11. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

11.1. Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định có đủ các phòng học và diện tích phòng học cho việc dạy và học; có đủ các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị theo yêu cầu của chương trình đào tạo: 39 phòng học tiêu chuẩn, 01 Giảng đường chính, 01 nhà Đa năng, thư viện, 05 phòng thực hành chuyên môn (dinh dưỡng, âm nhạc, mỹ thuật, múa, tiếng Anh), 02 phòng tin học, 02 phòng nghiệp vụ sư phạm mầm non, 01 sân bóng đá, 01 sân học thể chất, 02 sân bóng chuyền, 01 sân bóng rổ, 02 sân cầu lông... với tổng diện tích là 6.091m², tỷ lệ 6,15m²/sinh viên.

11.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

- Thư viện có đủ sách, báo, tạp chí chuyên ngành, giáo trình, tài liệu tham khảo cho GV và SV. Ngoài ra, có thể truy cập, tìm kiếm thông tin qua hệ thống mạng nội bộ, mạng Internet đã kết nối tới các khoa tổ chuyên môn và các phòng ban của trường.

- Các học phần đều có đủ giáo trình, học liệu chính và học liệu tham khảo. Học liệu dạy học được rà soát, cập nhật hàng năm.

(Danh mục học liệu chính của các học phần tại **Phụ lục 2**).

11.3. Hệ thống thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo

Trang thiết bị phục vụ dạy và học: Các phòng học chung và phòng nghiệp vụ của các khoa được trang bị đầy đủ trang thiết bị và học liệu phục vụ dạy và học của sinh viên như: bàn ghế đạt chuẩn, máy chiếu hoặc bảng tương tác, ti vi, bảng chống lóa, đèn, đường truyền internet... Các phòng thực hành chuyên môn có đầy đủ trang thiết bị như: loa đài, âm ly, giá vẽ, khối hình, tượng mẫu, tranh ảnh, mẫu vật, đồ dùng mầm non và các dụng cụ để tập luyện thể dục thể thao. Các phòng thực hành dinh dưỡng, thực hành mầm non cũng có đầy đủ máy móc, thiết bị, các đồ thí nghiệm, hóa chất, mẫu vật... Các phòng học thực hành tin học được trang bị bàn ghế, hệ thống máy tính đạt chuẩn. Hệ thống máy tính của nhà trường được bảo dưỡng thường xuyên bởi các cán bộ chuyên trách theo đúng yêu cầu của chương trình đào tạo.

12. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

12.1. Yêu cầu đối với giảng viên

- Giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên cần chuẩn bị đủ giáo trình, học liệu và giới thiệu địa chỉ, thư mục tìm kiếm trước một tuần để sinh viên chuẩn bị bài học trước khi đến lớp.

- Giảng viên cần tăng cường sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực và tổ chức các hoạt động thực hành để sinh viên được vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

12.2. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến cho người học. Mục tiêu đào tạo được thể hiện chi tiết, rõ ràng trong từng học phần và hướng đến mục tiêu của chương trình đào tạo.

- Hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

- Hoạt động dạy và học thúc đẩy việc hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo cho người học.

- Các học phần trong CTĐT được thiết kế theo hướng giảm lí thuyết, tăng thực hành, thảo luận, do vậy phải nâng cao tính tự giác, tự học của người học. Để tiếp tu 01 tín chỉ, ngoài giờ thực hành, thảo luận trên lớp, sinh viên phải dành tối thiểu 30 giờ tự học. Theo đó, giảng viên phải có kế hoạch hướng dẫn tự học cho sinh viên phù hợp với học phần và nội dung dạy học như: hướng dẫn đọc và tóm tắt giáo trình, sử dụng CNTT, AI để tìm kiếm tư liệu, làm bài tập thực hành, thảo luận tổ nhóm, tổ chức hội thảo học phần, hội thảo chuyên đề, học ngoại khoá, đi thực tế...

- Các phương pháp giảng dạy được sử dụng nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình gồm:

+ Thuyết trình, giảng giải: đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp, trong đó giáo viên hướng dẫn, giải thích chi tiết, cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức, kĩ năng.

+ Câu hỏi gợi mở: trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

+ Dạy học theo tình huống: đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng ra quyết định, kĩ năng nghiên cứu.

+ Dạy học qua trải nghiệm: là chiến lược dạy học, trong đó người học tiếp nhận kiến thức và kĩ năng qua những hoạt động trải nghiệm, qua thực tế quan sát và cảm nhận.

+ Thực hành, thực tế, thực tập: thông qua các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập, sinh viên hiểu được môi trường giáo dục, công việc thực tế ở trường mầm non; học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong giáo dục mầm non; hình thành kĩ năng nghề nghiệp và văn hoá nghề nghiệp.

+ Thảo luận nhóm: là phương pháp dạy học, trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra.

+ Tự học: là yêu cầu bắt buộc của tất cả các học phần, trong đó, sinh viên tự xác định mục tiêu học tập của mình và lên kế hoạch để đạt được những điều mà mình muốn. Tự học có thể diễn ra qua nhiều phương tiện khác nhau như: sách, báo, video, khóa học trực tuyến... hoặc học hỏi từ kinh nghiệm của bản thân và những người xung quanh.

- Tùy từng học phần và từng nội dung dạy học, giảng viên lựa chọn phương pháp dạy học cho phù hợp với đối tượng người học và điều kiện học tập.

12.3. Điều hành chương trình

- Trước mỗi kì học, nhà trường sẽ thông báo các học phần sẽ được triển khai giảng dạy trong kì.

- Những học phần bắt buộc phải thực hiện đúng thứ tự thời gian như trong kế hoạch dự kiến. Những học phần có tính độc lập tương đối có thể lựa chọn để dạy học trong học kì thích hợp với điều kiện dạy của trường và sự lựa chọn học của sinh viên.

- Học phần Giáo dục thể chất tổ chức học thực hành 2 tiết/1 tiết tín chỉ và tổ chức trong 02 học kì liên tiếp để bảo đảm đủ thời gian hình thành các thao tác cơ bản, làm căn cứ cho việc luyện tập lâu dài.

- Các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo kế hoạch hợp tác với đơn vị có chức năng dạy và cấp chứng chỉ.

- Các học phần Tiếng Anh và Tin học, ngoài việc hoàn thành bài kiểm tra thường xuyên, định kì và thi kết thúc học phần như quy định trong đề cương chi tiết, cuối học kì IV hoặc vào kì V, Nhà trường sẽ tổ chức hoặc liên kết tổ chức thi đánh giá năng lực chuẩn đầu ra về Tiếng Anh và chuẩn CNTT cơ bản cho người học trước khi tốt nghiệp.

- Học phần Rèn nghiệp vụ mầm non là học phần thực hành có thời lượng học tập 03 tín chỉ. Để đảm bảo tính thường xuyên trong rèn luyện NVSP, mỗi tuần một buổi, trong đó 2 tiết có giảng viên hướng dẫn, 2 tiết sinh viên tự rèn luyện. Học phần được thực hiện trong 5 học kì (72 buổi). Nội dung và kế hoạch rèn nghiệp vụ phải song song và phù hợp với các học phần chuyên ngành.

- Các học phần Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm 1, Thực tập sư phạm 2 được tổ chức tại cơ sở giáo dục mầm non theo Quy định Thực hành sư phạm, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm ban hành tại Quyết định số 183/QĐ-CĐSP ngày 08/9/2023 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định.

- Học phần Khóa luận cuối khóa thực hiện theo Quy định làm khóa luận cuối khóa ngành Giáo dục Mầm non (ban hành tại Quyết định số 212/QĐ-CĐSP ngày 17/10/2023 của Hiệu trưởng trường CĐSP Nam Định). Những sinh viên không làm khóa luận cuối khóa được đăng kí học hai học phần thay thế với thời lượng 5 tín chỉ.

- Giảng viên phải chú ý tích hợp giữa chuyên môn và nghiệp vụ ở tất cả các học phần, nghĩa là tính nghề nghiệp phải được quán triệt trong toàn bộ chương trình đào tạo.

C. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN THỰC CHẤT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo gồm 50 học phần, chưa kể các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh và các học phần đặc thù (Kiến tập sư phạm, Thực tập sư phạm 1, Thực tập sư phạm 2, Khóa luận tốt nghiệp). Cụ thể: 38 học phần rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và 12 học phần xây dựng mới. Các đề cương chi tiết của chương trình đào tạo đã được ban hành tại Quyết định số 127/QĐ-CĐSP ngày 18/6/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng sư phạm Nam Định.

D. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non năm 2025 đã được đối sánh với chương trình đào tạo của một số trường Cao đẳng Sư phạm trên toàn quốc làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình. Sau đây là một số thông tin:

CTĐT Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng	Khung CTĐT				Tổng số TC	Thời gian đào tạo
	Khối KT GDĐC và cơ sở	Khối KT, KN chuyên ngành	Thực hành, KTSP, TTSP	Khóa luận/ HP thay thế KL		
CĐSP Nam Định 2025	33	47	10	5	95	2,5 - 3 năm (5 - 6 HK)
CĐSP Hòa Bình 2024	25	47	10	5	87	3 năm (06 HK)
CĐSP Trung ương 2024	35	46	9	5	95	
CĐSP Quảng Trị 2024	38	60	6	5	109	
ĐH Tân Trào 2024	53	36	8	6	103	
ĐH Thái Nguyên 2024	41	35	16	6	98	

Qua so sánh cho thấy CTĐT ngành Giáo dục Mầm non của Trường CĐSP Nam Định khá tương đồng với các cơ sở đào tạo khác về khối kiến thức chung và chuyên ngành; phù hợp và đảm bảo yêu cầu về lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đáp ứng với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CTĐT của trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định có ưu thế cạnh tranh riêng:

- Về thời gian đào tạo: 05 - 06 học kì (từ 2,5 - dưới 3 năm) rút ngắn hơn so với CTĐT của các trường cao đẳng khác.

- Tính hiện đại và cập nhật:

- + CTĐT của trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định đã được chỉnh sửa tiếp cận yêu cầu đổi mới Chương trình giáo dục mầm non;

- + Tích hợp nội dung về giới và bình đẳng giới vào CTĐT theo Quyết định số 4247/QĐ-BGDĐT ngày 12/12/2023 về Phê duyệt Đề án “Đưa việc giảng dạy nội dung về giới, bình đẳng giới vào CTĐT giáo viên trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và trình độ đại học giai đoạn 2024 - 2030;

- + Cập nhật khung năng lực số cho người học theo Thông tư số 02/2025 ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Khung năng lực số cho người học và Công văn số 2957/BGDĐT-GDDH ngày 11/6/2025 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai khung năng lực số tại các cơ sở đào tạo.

- Tăng số lượng học phần tự chọn nhằm tăng khả năng lựa chọn theo sở trường và định hướng nghề nghiệp của người học.

E. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình đào tạo ngành cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đã được rà soát, điều chỉnh từ Chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non ban hành tại Quyết định số 134/QĐ-CĐSP ngày 15/6/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Chương trình được Hội đồng thẩm định theo Quyết định số 126/QĐ-CĐSP ngày 18/6/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định thẩm định, đánh giá và thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Chương trình được phê duyệt và ban hành tại Quyết định số 132/QĐ-CĐSPND ngày 15/7/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định./.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Ngọc Hiền

Phụ lục 1
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN

TT	Họ và tên	Trình độ	Ngành được đào tạo	Giảng dạy học phần
I	Giảng viên các bộ môn chung			
1.	Lí luận chính trị			
1	Ngô Thị Thục	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Đường lối CM của ĐSCVN - Giáo dục pháp luật
2	Vũ Văn Hùng	Thạc sĩ	LSD-TTHCM	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Đường lối CM của ĐSCVN - Giáo dục pháp luật
3	Trần Thị Tâm	Thạc sĩ	CNXHKH	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Đường lối CM của ĐSCVN - Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1, 2 - Giáo dục pháp luật
4	Lê Thị Thanh Hương	Thạc sĩ	LSD-TTHCM	- Tư tưởng Hồ Chí Minh - Đường lối CM của ĐSCVN - Giáo dục pháp luật
5	Vũ Thị Mai	Thạc sĩ	Triết học	- Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1, 2 - Giáo dục pháp luật
6	Vũ Thị Kim Dung	Thạc sĩ	CNXHKH	- Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1, 2 - Giáo dục pháp luật
2.	Ngoại ngữ			
7	Hoàng Giang	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	- Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2
8	Phạm Thị Huệ	Thạc sĩ	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh 3
9	Trần Phương Thanh	Thạc sĩ	SP Tiếng Anh	Tiếng Anh 3
10	Trần Thị Huệ	Thạc sĩ	SP Tiếng Anh	- Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2
3.	Tin học			
11	Đỗ Văn Dư	Thạc sĩ	KH máy tính	- Tin học - Chuyển đổi số trong GDMN
12	Nguyễn Thị Hồng	Thạc sĩ	KH máy tính	- Tin học - Chuyển đổi số trong GDMN
13	Trần Thị Hoa	Thạc sĩ	KH máy tính	- Tin học - Chuyển đổi số trong GDMN
4.	Tâm lí, giáo dục			
14	Lê Thị Ngoãn	Thạc sĩ	QL giáo dục	QL HCNN và QL ngành GD&ĐT
15	Nguyễn Trung Kiên	Tiến sĩ	Giáo dục học	QL HCNN và QL ngành GD&ĐT
16	Nguyễn T.Kim Hằng	Thạc sĩ	QL giáo dục	QL HCNN và QL ngành GD&ĐT
17	Mai Bích Thu	Thạc sĩ	Tâm lí học	- Tâm lí học đại cương - TLH trẻ em lứa tuổi mầm non - Giao tiếp, ứng xử của giáo viên MN - GD hoà nhập

TT	Họ và tên	Trình độ	Ngành được đào tạo	Giảng dạy học phần
18	Vũ Thị Mai	Thạc sĩ	Tâm lí học	- Giáo dục học đại cương - GDH mầm non - Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non - Rèn NV mầm non
19	Vũ Thị Oanh	Thạc sĩ	Tâm lí học	- Tâm lí học đại cương - TLH trẻ em lứa tuổi MN - Rèn NV mầm non
20	Đặng Thị Thu Thảo	Thạc sĩ	Giáo dục học	- Giáo dục học đại cương - Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non - GD kĩ năng sống cho trẻ mầm non - Rèn NV mầm non
21	Đặng Thị Mai Hiền	Thạc sĩ	Tâm lí học	- Giáo dục học đại cương - GDH mầm non - Đánh giá trong GDMN - Rèn NV mầm non - Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non
22	Tạ Thị Huệ	Thạc sĩ	Tâm lí học	- Giáo dục hoà nhập - Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non - Đánh giá trong giáo dục MN - GD kĩ năng sống cho trẻ mầm non
II	Giảng viên các bộ môn chuyên ngành			
1.	Bộ môn Phương pháp Giáo dục Mầm non			
23	Lê Thị Thanh Hà	Thạc sĩ Cử nhân	GD Tiểu học/GDMN	- PP cho trẻ mầm non khám phá KH về MTXQ - PP phát triển NN cho trẻ mầm non - PPGD Steiner Waldorf trong CSGDMN - PPGD Montessori trong CSGDMN - Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một - Rèn NVMN
24	Hoàng Thị Hoà	Thạc sĩ	Toán học	- Phương pháp hình thành các biểu tượng Toán cho trẻ mầm non - Chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một - Rèn NV mầm non
25	Phạm Thanh Thủy	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	- PP phát triển NN cho trẻ mầm non - PPGD Steiner Waldorf trong CSGDMN - Mô hình GD STEAM trong CSGDMN - Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN - Rèn NVMN

TT	Họ và tên	Trình độ	Ngành được đào tạo	Giảng dạy học phần
26	Bùi Thị Thúy	Thạc sĩ	Giáo dục mầm non	- Phương pháp cho trẻ mầm non khám phá KH về MTXQ - Phương pháp hình thành các biểu tượng Toán cho trẻ mầm non - PPGD Montessori trong CSGDMN - Một số chuyên đề đổi mới trong GDMN Rèn NV mầm non
27	Nguyễn Thị Hằng	Thạc sĩ	Toán học	- Phương pháp hình thành các biểu tượng Toán cho trẻ mầm non - Rèn NVMN
28	Trần Thị Ban Mai	Thạc sĩ	Ngữ văn/GD mầm non	- PP cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học - PP phát triển NN cho trẻ mầm non - CT và Tổ chức thực hiện CTGDMN - Rèn NV mầm non
29	Đào Thị Thanh Hoài	Thạc sĩ Cử nhân	Ngữ văn/GD mầm non	- PP cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học - PP phát triển NN cho trẻ mầm non - CT và Tổ chức thực hiện CTGDMN - Rèn NV mầm non
2. Bộ môn Giáo dục thể chất - Dinh dưỡng & Chăm sóc trẻ				
30	Hà Thị Hồng Nhung	Thạc sĩ	GD thể chất	- Giáo dục thể chất - PP GD thể chất
31	Phạm Văn Tuấn	Thạc sĩ	GD thể chất	Giáo dục thể chất
32	Trần Đức Thịnh	Thạc sĩ	GDTC - QP	Giáo dục thể chất
33	Nguyễn Ngọc Ánh	Thạc sĩ	GD thể chất	- Giáo dục thể chất - PP GD thể chất
34	Bùi Thu Hà	Thạc sĩ	Sinh học	- Sự phát triển thể chất trẻ MN - Vệ sinh - Dinh dưỡng - Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non
35	Vũ Quốc Khánh	Thạc sĩ	Sinh học	- Sự phát triển thể chất trẻ MN - Vệ sinh - Dinh dưỡng - Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non
36	Lê Thị Lan Anh	Thạc sĩ	Sinh học	- Sự phát triển thể chất trẻ MN - Vệ sinh - Dinh dưỡng - Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non
3. Bộ môn Giáo dục trí tuệ				
37	Đào Thị Anh Lê	Tiến sĩ	Ngữ văn	- Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN - Kỹ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non

TT	Họ và tên	Trình độ	Ngành được đào tạo	Giảng dạy học phần
38	Trần Thị Tuyết Lan	Thạc sĩ	Ngữ văn	- Tiếng Việt và TV thực hành - Kỹ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN
39	Đặng Thùy An	Thạc sĩ	Ngữ văn	- Giáo dục thẩm mỹ trong cơ sở GDMN - Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm - Kể chuyện sáng tạo và đóng kịch trong CSGDMN
40	Hoàng T. Phương Loan	Thạc sĩ	Ngữ văn	- Văn học thiếu nhi và Đọc, kể diễn cảm - Kỹ năng tổ chức ngày hội, ngày lễ trong cơ sở GDMN - Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong CSGDMN
41	Nguyễn T. Lan Hương	Thạc sĩ	Ngữ văn	- Tiếng Việt và TV thực hành - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ mầm non - Kể chuyện sáng tạo và trò chơi đóng kịch trong CSGDMN
42	Nguyễn T. Hoài Thu	Thạc sĩ	Địa lí	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non
43	Vũ T. Thanh Hương	Thạc sĩ	Địa lí	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non
4. Bộ môn Giáo dục Nghệ thuật				
44	Nguyễn Minh Cường	Thạc sĩ	Mĩ thuật	- Tổ chức HĐ tạo hình cho trẻ mầm non - Mỹ thuật ứng dụng trong CSGDMN - Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong CSGDMN
45	Ngô Văn Nam	Thạc sĩ	Mĩ thuật	- Mỹ thuật và KT làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN - Tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non - Thiết kế và sử dụng bộ đồ dùng biểu diễn múa rối trong cơ sở GDMN
46	Lưu Chí Thành	Thạc sĩ	Mĩ thuật	- Mỹ thuật và KT làm đồ dùng, đồ chơi trong cơ sở GDMN - Mỹ thuật ứng dụng trong CSGDMN
47	Bùi Thị Thu Hà	Thạc sĩ	Âm nhạc	- Âm nhạc và Múa - Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non
48	Đinh T. Chung Thủy	Thạc sĩ	Âm nhạc	- Âm nhạc và Múa - Tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non

Phụ lục 2
DANH MỤC HỌC LIỆU CHÍNH CỦA CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã HP	Tác giả	Năm XB	Tên giáo trình/tài liệu	NXB/ban hành
1	501201	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	NXB CTQG Sự thật
2	501302	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	NXB CTQG Sự thật
3	501203	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB CTQG Sự thật
4	501304	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	NXB CTQG Sự thật
5	501205	Dương Ngọc Trường, Nguyễn Thanh Đề, Nguyễn Văn Tri	2016	Giáo trình Điền kinh	NXB ĐHQG TPHCM
		Vũ Thành Sơn, Nguyễn Danh Hoàng Việt	2007	Giáo trình Bóng bàn	NXB ĐHSP HN
		Trần Văn Vinh	2004	Giáo trình Cầu lông	NXB ĐHSP
		Nguyễn Đức Thành	2016	Giáo trình Bóng đá	NXB ĐHQG TPHCM
		Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn	2010	Giáo trình Bóng chuyền	NXB ĐHSP
		Trịnh Hữu Lộc, Huỳnh Hồng Ngọc	2020	Giáo trình Taekwondo	NXB ĐHQG TPHCM
		Trịnh Kiên, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Duy Linh, Nguyễn Trần Hải, Nguyễn Anh Tuấn	2019	Giáo trình Đá cầu	NXB ĐHQG HN
		Trần Quang Đại, Hồ Đắc Nam Trân, Nguyễn Thị Thủy Trang	2022	Giáo trình môn học Thể dục Aerobic	NXB ĐHQG TPHCM
6	501306	Theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.			
7	501207				
8	501208				
9	501309				
10	502201	Nguyễn Trung Kiên, Lê Thị Ngoãn	2023	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
11	502202	Richards, J. C., & Bohlke, D.	2019	Four Corners 2 (2nd edition.)	Cambridge University Press
12	502203	Richards, J. C., & Bohlke, D.	2019	Four Corners 2 (2nd edition.)	Cambridge University Press
13	502204	Hoàng Giang	2022	Tiếng Anh 2 (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	
14	502205	Nguyễn Thị Tuyết Mai	2023	Giáo trình Pháp luật đại cương	NXB ĐHQG TPHCM

15	502206	Đỗ Văn Dur	2024	Tin học (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
16	502207	Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga	2014	Giáo trình Tiếng Việt và tiếng Việt thực hành	NXB ĐHSP
17	502208	Lã Thị Bắc Lí	2015	Giáo trình văn học trẻ em	NXB ĐHSP HN
		Lê Thị Ánh Tuyết, Lã Thị Bắc Lí	2013	Giáo trình phương pháp đọc, kể diễn cảm thơ, truyện cho trẻ em lứa tuổi mầm non	NXB ĐHSP HN
18	502309	Phạm Thị Hòa	2015	Giáo dục âm nhạc tập I	NXB ĐHSP
		Bộ GD và ĐT	2007	Giáo trình múa tập 2	NXB ĐHSP
19	502210	Mai Bích Thu	2020	Tâm lí học mầm non 1 (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
20	502211	Đặng Thị Thu Thảo	2020	Giáo dục học mầm non 1 (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
21	503201	Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên)	2020	Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non từ lọt lòng đến 6 tuổi	NXB ĐHSPHN
22	503202	Vũ Thị Mai	2020	Giáo dục học mầm non 2 (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
23	503203	Mai Bích Thu	2020	Kĩ năng giao tiếp, ứng xử của giáo viên mầm non với trẻ, Modul bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non	CĐSPNĐ
24	503204	Đặng Thị Mai Hiền	2020	Đo lường và đánh giá trong giáo dục mầm non (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
25	503205	Vũ Thị Oanh	2020	Tổ chức hoạt động vui chơi (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
26	503206	Mai Bích Thu, Vũ Thị Mai, Tạ Thị Huệ	2023	Giáo dục hòa nhập (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
27	503207	Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan	2012	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	NXB GD
28	503308	Đặng Hồng Phương	2023	Lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	NXB ĐHSP
29	503309	Lê Thị Lan Anh	2025	Vệ sinh - Dinh dưỡng (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
30	503310	Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân	2011	Giáo trình phòng bệnh và đảm bảo an toàn, hệ CĐSPMN	NXB GD
31	503311	Phạm Thị Chinh, Trần Tiểu Lâm	2008	Giáo trình Mĩ thuật - dành cho hệ CĐSP Mầm non	NXB GD
		Đặng Hồng Nhật	2000	Giáo trình Tạo hình và Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, quyển 2	NXB ĐHQG HN
32	503212	Lê Hồng Vân	2002	Tạo hình và PP hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em - Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, Giáo trình, quyển 3	NXB ĐHQG HN

33	503213	Phạm Thị Hòa	2015	Giáo dục âm nhạc tập 2	NXB ĐHSP
34	503314	Lê Thị Thanh Hà, Phạm Thanh Thủy	2025	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
35	503315	Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết	2021	Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học	NXB GD
36	503316	Vũ Thị Thanh Huyền, Vũ Thị Hồng Hạnh	2018	Giáo trình phương pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non	NXB GD
37	503317	Nguyễn Thị Xuân, Nguyễn Thị Thanh, Hoàng Thị Oanh	2020	Phương pháp khám phá môi trường xung quanh	NXB Hồng Đức
38	503218	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024	Chương trình Giáo dục Mầm non	NXB GDVN
39	503219	Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân	2010	Mĩ học đại cương	NXB GD
40	503220	Đinh Hồng Thái	2015	Giáo trình Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non	NXB ĐHSP
		Nguyễn Thị Thanh Hương	2024	Tổ chức hoạt động kích sáng tạo cho trẻ mầm non	NXB ĐHSP HN
41	503221	Phạm Ngọc Tới	2007	Giáo trình Trang trí tập 2	NXB ĐHSP
42	503222	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019	Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ trong trường mầm non	NXB GD VN
43	503223	Trương Thị Việt Liên (chủ biên)	2022	Giáo dục kĩ năng sống cho trẻ mầm non	NXB GD VN
44	503224	Hoàng Thị Phương	2018	Giáo trình giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	NXB ĐHSP
44	503225	Nguyễn Thị Hương Cúc, Vũ Thị Hồng Giang	2020	Kĩ năng tổ chức lễ hội ở trường mầm non (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
46	504301	Theo Quy định THSP, KTSP, TTSP ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Quyết định số 183/QĐ-CĐSP ngày 08/9/2023 của Hiệu trưởng trường CĐSPNĐ.			
47	504102				
48	504203				
49	504404				
50	505501	Theo Quy định làm khóa luận cuối khóa ngành Giáo dục Mầm non ban hành theo Quyết định số 212/QĐ-CĐSP ngày 17/10/2023 của Hiệu trưởng trường CĐSPNĐ.			
51	505302	Đào Thị Anh Lê, Nguyễn Thị Lan Hương, Hoàng Thị Phương Loan	2024	Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho trẻ ở trường mầm non (Tài liệu giảng dạy lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
52	505303	Đào Thị Thanh Hoài, Phạm Thanh Thủy	2025	Chuyên đề 1: Chuẩn bị kiến thức, kĩ năng tiền đọc, viết cho trẻ trước khi vào lớp Một (Tài liệu bồi dưỡng lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
		Hoàng Thị Hoà, Bùi Thị Thuý	2025	Chuyên đề 2: Chuẩn bị kiến thức, kĩ năng toán cho trẻ trước khi vào lớp Một (Tài liệu bồi	CĐSPNĐ

				đường lưu hành nội bộ)	
53	505304	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2024	Chương trình Giáo dục Mầm non	NXB GDVN
54	505305	Nguyễn Thị Hồng, Trần Thị Hoa	2024	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non (Tài liệu lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
		Nguyễn Trung Kiên, Triệu Quỳnh Trang	2024	Chuyên đề 7: Chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (Tài liệu bồi dưỡng lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
55	505206	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023	Ứng dụng giáo dục STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non (Tài liệu bồi dưỡng GVMN)	Bộ GD&ĐT
56	505207	Bùi Thị Thúy, Phạm Thanh Thủy	2023	Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong một số hoạt động cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non (Tài liệu bồi dưỡng lưu hành nội bộ)	CĐSPNĐ
57	505208	Janni Nicol	2024	Cẩm nang giáo dục mầm non theo phương pháp Steiner Waldorf	NXB Phụ nữ
58	505209	Đặng Hồng Nhật	2000	Giáo trình Tạo hình và Phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ em, Làm đồ chơi, quyển 2	NXB ĐHQGHN